

1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản:

1.1 Nông nghiệp:

a) Trồng trọt:

+ **Kết thúc gieo trồng vụ Đông xuân 2018-2019:** cả tỉnh xuống giống được 115.673 ha cây nông nghiệp hàng năm giảm 1,62% (-1.910 ha) so cùng kỳ. Trong đó, giảm chủ yếu các loại cây trồng cho thu hoạch năm sau (mì, mía), diện tích giảm 2,8% (- 1.364 ha) so cùng kỳ, nguyên nhân do cây mía hiện đang hiệu quả thấp, giá ngày càng giảm cùng với thời tiết không thuận lợi nên người dân chuyển sang cây trồng khác có hiệu quả hơn, cây mì do tình hình sâu bệnh cũng giảm. Đối với các loại cây trồng thu hoạch trong năm, nhìn chung vẫn duy trì phát triển, diện tích đạt 68.332 ha giảm 0,76% (- 546 ha) so cùng kỳ. Riêng cây lúa, và rau các loại diện tích gieo trồng vụ này vẫn tăng nhờ được giá và hiệu quả cao hơn cây trồng khác.

+ **Tiến độ gieo trồng vụ Hè thu** đến ngày 15/4/2019 toàn tỉnh xuống giống được 5.536 ha bằng 96,85% so cùng kỳ; trong đó, chỉ có cây lúa xuống giống nhanh hơn cùng kỳ, đạt 2.028 ha (+3,87%); còn các cây trồng khác chậm hơn cùng kỳ như: đậu phộng đạt 118 ha (-13,35%), cây ngô 108 ha (-10,41%), rau đậu hoa cây cảnh 2.564 ha (-5,38%) chủ yếu do tiến độ thu hoạch các cây trồng đó chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng.... Nhóm cây trồng thu hoạch năm sau (mía, mì) vẫn chưa có dấu hiệu khôi phục, diện tích xuống giống đạt thấp so với cùng kỳ, như cây mì mới đạt 504 ha giảm (-6,30%), do dịch bệnh khảm vẫn còn xảy ra, năng suất đạt thấp, tuy giá mì có lúc lên nhưng nhiều hộ trồng mì vẫn còn lỗ. Diện tích mía trồng mới đạt 132 ha giảm nhiều so cùng kỳ (-24,34%), do giá mía thu mua hiện vẫn giảm mạnh tác động nhiều đến tiến độ gieo trồng.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (Ha)	Thực hiện kỳ báo cáo (Ha)	So cùng kỳ (%)
1. DT Gieo trồng vụ Hè Thu:	5.717	5.537	96,85
* Trong đó: Cây lúa	1.953	2.028	103,87
Diện tích một số cây trồng khác			
- Ngô	121	108	89,59
- Mì (cây sắn)	538	504	93,70
- Mía	175	132	75,66
- Đậu phộng	138	118	85,65
- Rau, đậu, hoa cây cảnh các loại	2.710	2.564	94,62

Tiến độ thu hoạch vụ đông xuân, đạt 48.555 ha cây trồng trong vụ, giảm 1,99% so cùng kỳ. Trong đó cây lúa thu hoạch đạt 32.959 ha bằng 69,64% diện

tích gieo trồng tăng 3,24% so cùng kỳ; đậu phộng 2.596 ha đạt 72,11% diện tích gieo trồng giảm 17,52% so cùng kỳ; cây ngô 2.168 ha đạt 76,21% diện tích gieo trồng và giảm 22,71% so cùng kỳ; rau đậu hoa cây cảnh các loại thu hoạch được 8.518 ha bằng 73,25% diện tích gieo trồng và giảm (-9,55%) so cùng kỳ.

Đối với cây mì, mía trồng các vụ trước: đến nay đã thu hoạch 24.639 ha bằng 96,48% so cùng kỳ, trong đó mì 12.146 ha tăng 15,54% so cùng kỳ, cây mía (gồm cả mía trồng mới và mía lưu gốc) đạt 12.494 ha giảm 16,85% so cùng kỳ, do diện tích gieo trồng mía giảm nên tiến độ thu hoạch cũng giảm so cùng kỳ.

b) Chăn nuôi:

Chăn nuôi trên địa bàn tiếp tục phát triển, trong tháng này giá heo hơi ở mức 47.000đ/kg (giảm 2.000đ/kg), giá gà công nghiệp 32.000đ/kg (tăng 6.000đ/kg), giá vịt 60.000đ/kg (tăng 15.000đ/kg), giá thịt trâu bò hơi vẫn ổn định ở mức giá 75.000đ/kg. Tình hình chăn nuôi đàn trâu hiện có 14.075 con (-0,23%) so cùng kỳ, đàn bò 92.570 con (-1,45%), riêng đàn bò sữa hiện có 12.653 con (+6,01%) so cùng kỳ; đàn heo hiện có 177.517 con (+1,47%) so cùng kỳ. Đàn gia cầm hiện có 6,541 triệu con (+7,64%) so với cùng kỳ, trong đó đàn gà ước đạt 5,906 triệu con tăng 11,01% so cùng kỳ.

Số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2018	Ước thực hiện kỳ BC	So sánh cùng kỳ (%)
I. Gia súc				
1. Trâu	con	14.108	14.075	99,77
2. Bò	con	93.934	92.570	98,55
Trong đó: Bò sữa	con	11.936	12.653	106,01
3. Lợn	con	174.945	177.517	101,47
II. Gia cầm				
	1000con	6.076,93	6.541,30	107,64
Trong đó: Gà	1000con	5.320,28	5.906,08	111,01

Trong tháng, các ngành chức năng tăng cường công tác giám sát dịch bệnh, tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh, khuyến cáo người chăn nuôi thường xuyên làm vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại. Tổ chức tiêm phòng vắc xin cúm cho đàn gia cầm trên phạm vi toàn tỉnh; đẩy mạnh công tác kiểm dịch tại gốc, phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc lưu thông, vận chuyển gia súc xuất, nhập tỉnh và đưa vào các lò mổ.

1.2 Lâm nghiệp:

Thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2019 là 263 ha, trong tháng, các đơn vị tiến hành rà soát quỹ đất, lập hồ sơ thiết kế, vận động người dân tham gia nhận khoán đất trồng rừng; đồng thời tiếp tục thực hiện chăm sóc, chống cháy và bảo vệ rừng trồng, đảm bảo rừng trồng sinh trưởng sinh trưởng và phát triển tốt.

Công tác bảo vệ rừng được các đơn vị hữu quan phối hợp tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra phòng cháy chữa cháy, tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia công tác bảo vệ rừng, tuy nhiên tình hình vi phạm lâm luật vẫn còn xảy ra, trong tháng xảy ra 06 vụ vi phạm quy định về Luật bảo vệ và phát triển rừng;

Lũy kế từ đầu năm đến nay xảy ra 03 vụ cháy rừng trồng (diện tích 9,3 ha), và 07 trường hợp cháy rừng tự nhiên (diện tích 3,87 ha), tổng diện tích bị cháy 13,17 ha, nguyên nhân do các đối tượng đốt lán để sản xuất nông nghiệp, có những trường hợp do xử lý thực bì chưa tốt dẫn đến cháy lan từ ngoài vào.

2. Sản xuất Công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4/2019 giảm 2,63% so với tháng trước. Trong đó, giảm nhiều là các ngành, các ngành: Sản xuất chế biến thực phẩm (-16,85%) do một số DN sản xuất tinh bột mì có kế hoạch nghỉ sửa chữa bảo dưỡng máy móc và sản xuất đường chuẩn bị kết thúc niên vụ sản xuất; Dệt (-5,39%); Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (-2,08%); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (-3,89%); sản xuất và phân phối điện (-2,45%); Một số ngành khác chỉ số tăng nhẹ so với tháng trước là : Khai khoáng (+5,4%), sản xuất trang phục (+5,52%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (+3,25%); Khai thác và cung cấp nước (+17,02%).

Cộng dồn 04 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng (+15,87%)¹ so cùng kỳ, cao hơn mức tăng cùng thời điểm của một số năm gần đây. Trong đó, ngành khai khoáng (+0,52%); công nghiệp chế biến, chế tạo (+15,72%), trong đó: có các ngành tăng cao so cùng kỳ như: dệt (+36,63%), Sản xuất trang phục (+2,94); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+22,6%); sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (+3,22%), Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (+16,52%); sản xuất phân phối điện... tăng (+21,14%); Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng (+21,30%).

Chỉ số phát triển công nghiệp và một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 4/2019 so với tháng 3/2019	BQ 4 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ
Tổng số	97,37	115,87
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	105,40	100,52
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	97,28	115,72
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	97,55	121,14
4. Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải...	102,46	121,30
Một số ngành công nghiệp chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	83,15	98,96

¹ 04 tháng 2017 (+14,15%); 04 tháng năm 2018 (+15,01%)

	Tháng 4/2019 so với tháng 3/2019	BQ 4 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ
2. Dệt	94,61	136,63
3. Sản xuất trang phục	105,52	102,94
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	103,25	116,52
5. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	96,11	103,22
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	97,92	122,60
8. Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	99,65	101,76
9. Sản xuất và phân phối điện	97,55	121,55
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	117,02	110,90

Sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh: Hầu hết số lượng các sản phẩm sản xuất chủ yếu của tỉnh đều có chỉ số sản xuất 04 tháng đầu năm tăng khá so cùng kỳ, cụ thể: Giày dép loại tăng (+16,59%); vỏ, ruột xe các loại tăng (+19,96%); điện thương phẩm tăng (+22,16%); quần áo các loại (+9,91%); xi măng tăng (+1,71%); nước máy sản xuất tăng (+11,57%) . Cũng có một số sản phẩm sản xuất duy trì bằng hoặc giảm ít so cùng kỳ Clanke poolan (+0,98%), đường các loại (-4,02%), Bột mì (-0,57%);

3. Vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 4/2019 ước thực hiện 194,3 tỷ đồng, tăng (+13,06%) so tháng trước. Bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 158,36 tỷ đồng (+15,24%), ngân sách cấp huyện đạt 36 tỷ đồng (+4,39%). Cụ thể một số công trình có khối lượng lớn như: dự án phát triển các đô thị hành lang tiêu vùng sông MêKong mở rộng Mộc Bài; nâng cấp cải tạo ngầm hóa đường 30/4; đường ĐT794 đoạn ngã ba Kà tum đến cầu Sài gòn....

Cộng dồn 4 tháng, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện 643 tỷ đồng, đạt 24,07% kế hoạch năm, tăng 2,21% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 522,72 tỷ đồng bằng 23,78% kế hoạch và bằng 100,1% so cùng kỳ ; vốn ngân sách cấp huyện đạt 121,07 tỷ đồng bằng 25,14 dự toán năm và tăng (+12,40%) so cùng kỳ. Riêng nguồn vốn thuộc ngân sách xã, đến thời điểm này chưa phân khai vốn nên chưa có giá trị thực hiện.

4. Giao thông vận tải:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 04/2019 ước đạt 255,95 tỷ đồng (chủ yếu là kinh tế ngoài nhà nước), tăng 1,6% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 86,461 tỷ đồng, tăng 1,68%; vận tải hàng hóa đạt 164,58 tỷ đồng, tăng 1,54% so với tháng trước, việc giá xăng dầu các loại tăng làm chi phí vận tải tăng so với tháng trước. Cộng dồn 04 tháng đầu năm doanh thu đạt 1.004 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 7,85%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 336,9 tỷ đồng tăng 8,15%, doanh thu vận chuyển hàng

hóa đạt 648,1 tỷ đồng tăng 7,57% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 19,39 tỷ đồng tăng 12,36% so với 04 tháng năm 2018.

Khối lượng vận tải hành khách tháng 04/2019 ước tính đạt 2.013 nghìn lượt khách, tăng 1,36% và luân chuyển 124.367 nghìn lượt khách.km, tăng 0,79% so tháng trước; chủ yếu do tháng này số lượng khách sử dụng cáp treo Núi bà giảm, nhưng cự ly vận chuyển ngắn nên không ảnh hưởng nhiều đến khối lượng luân chuyển hành khách. Bốn tháng đầu năm, vận tải hành khách đạt 7.906 nghìn lượt khách, tăng 6,87% và luân chuyển được 490.419 nghìn lượt khách.km, cũng tăng 7,67% so cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa tháng 04/2019 ước tính đạt khối lượng 1.286 nghìn tấn, tăng 1,35% và luân chuyển được 96.267 nghìn tấn.km, cũng tăng 1,62% so tháng trước. Cộng dồn bốn tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước đạt khối lượng 5.089 nghìn tấn, tăng 7,36% và luân chuyển được 381.465 nghìn tấn.km, tăng 7,15% so cùng kỳ.

5. Thương mại:

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 04/2019 ước đạt 4.881 tỷ đồng, tăng 2,84% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 198,53 tỷ đồng, tăng 3,27%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.682,3 tỷ đồng, cũng tăng 2,83% so tháng trước.

Luỹ kế 04 tháng đầu năm tổng mức ước đạt 19.752 tỷ, tăng 11,36% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tăng 10,55%; kinh tế ngoài nhà nước tăng 11,40%; Một số nhóm hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu như nhóm lương thực, thực phẩm đạt 7.329 tỷ đồng, tăng 11,66%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 2.770 tỷ đồng, tăng 13,44%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 2.872 tỷ đồng, cũng tăng 17,63% so với cùng kỳ.

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:

Doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh tháng 04/2019 ước đạt 1.367 tỷ đồng, tăng 3,88% so tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 327,3 tỷ đồng tăng 12,92% (chủ yếu do phát hành vé xổ số tháng này nhiều hơn 01 kỳ so với tháng trước, khu vực ngoài nhà nước đạt 1.033,3 tỷ đồng xấp xỉ bằng tháng trước (=101,31%), và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,2 tỷ đồng tăng 3,84% so tháng trước.

Luỹ kế 04 tháng đầu năm doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 5.593 tỷ đồng tăng 10,88%, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 3.209 tỷ đồng tăng 11,76%, dịch vụ lưu trú đạt 67 tỷ đồng tăng 13,53% và dịch vụ khác đạt 2.317 tỷ đồng tăng 9,60% so cùng kỳ.

6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 04 năm 2019 tăng 0,61% so với tháng trước; tăng 3,85% so với cùng kỳ năm trước; và tăng 0,69% so với tháng 12 năm trước; so bình quân cùng kỳ năm 2018 CPI tăng 3,62%.

Trong các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, có 3 nhóm tăng với mức tăng như sau: nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,23%; nhóm

giao thông tăng 3,78%; Nhóm văn hoá giải trí và du lịch tăng 0,23%; Nhóm có chỉ số giá ổn định là nhóm đồ uống và thuốc lá, may mặc mũ nón giày dép, thiết bị và đồ dùng gia đình, thuốc và dịch vụ y tế, bưu chính viễn thông, giáo dục; riêng các nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,39%, hàng hoá và dịch vụ khác giảm 0,03%;

CPI tháng này tăng chủ yếu do giá xăng dầu tăng cao mặt khác vì đây là mặt hàng thiết yếu và quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất và kinh doanh. Tháng 4 là tháng bước vào cao điểm mùa khô, thời tiết tuy nắng nóng nhưng thuận lợi cho các mặt hàng rau củ quả, trái cây phát triển trong khi nhu cầu không tăng dẫn đến giá giảm;

Diễn biến của một số nhóm hàng chính tháng này so với tháng trước như sau:

Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: giảm 0,04% so với tháng trước. Nhóm này giảm chủ yếu do giá khoai lang tươi giảm 3,45%, sắn giảm 3,48%, bột mì cũng giảm 4,65% do đang vụ thu hoạch nên nguồn cung dồi dào, giá khoai lang tươi dao động từ 13.000 – 15.000 đồng/kg tùy loại.

Nhóm thực phẩm giảm 0,68%: so với tháng trước, nhóm này giảm chủ yếu do nhóm trứng giảm nhiều tới 11,85% do thị trường tiêu thụ chậm trong khi nguồn cung từ các trang trại chăn nuôi khá dồi dào. Nhóm rau tươi, khô và chế biến cũng giảm 2,52% như bắp cải giảm 3,87%, khoai tây giảm 1,09%, rau dạng củ quả giảm 0,07%, rau gia vị tươi giảm 1,54%. Quả tươi chế biến giảm 0,38% như quả có múi giảm 0,32%, xoài giảm 4,55% do đang vào vụ nên sản lượng rất dồi dào cộng với thời tiết tháng này thuận lợi, sản lượng các nhóm mặt hàng này tăng lên đã làm cho giá rau, củ giảm. Giá đường giảm 5,92% do cạnh tranh với giá đường nhập khẩu,

Bên cạnh đó thì nhóm thịt gia súc tươi sống tăng 0,09% cụ thể là thịt heo tăng nhẹ 0,03%, thịt bò tăng 0,32%; thịt gà tăng 0,78% nguyên nhân do sau một thời gian giá thịt heo giảm sâu nay đã dần phục hồi.

Ăn uống ngoài gia đình (+0,04%): Giá xăng dầu tăng cao đã tác động không hề nhỏ đến giá các loại dịch vụ, chi phí như giá thuê người phục vụ cũng tăng, cộng với nhu cầu ăn, uống bên ngoài của người dân cũng tăng cao nên đã tác động đến giá các mặt hàng ăn, uống ngoài gia đình tăng, cụ thể tăng 0,04%.

Nhà ở, điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng (+1,23%): Giá gas được điều chỉnh tăng 7.000 đồng/kg vào ngày 01/04/2019 do giá gas thế giới tăng, làm chỉ số giá gas tháng này tăng 2,09% so với tháng trước; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng chủ yếu là giá thép (+ 0,07%) do thị trường thép Trung Quốc đang phục hồi và giá nhập vật liệu thô tăng cao. Giá dầu hỏa trong tháng tăng cao (+7,15%) do tăng giá xăng dầu; chỉ số giá điện sinh hoạt (+5,57%) do Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN chính thức tăng giá từ ngày 20.3.2019 đã góp phần không nhỏ vào việc tăng chỉ số của nhóm này.

Giao Thông: Nhóm này tăng 3,78% so với tháng trước do tại kỳ điều hành giá Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định tăng giá xăng dầu trong kỳ điều hành vào ngày 17/4/2019, cụ thể: chỉ số giá mặt hàng dầu hỏa tăng 7,15%; nhóm xăng, dầu diezen tăng 7,76% so với tháng trước, cụ thể: giá xăng A95 tăng 1.200 đồng/lít, xăng E5 tăng 1.120 đồng/lít và dầu diezen tăng 300 đồng/lít.

Văn hóa giải trí và du lịch (+0,23%): Nhóm này tăng chủ yếu ở Nhóm du lịch, cụ thể du lịch trong nước tăng 1,65%, du lịch ngoài nước tăng 1,04% do trong tháng có ngày nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương 10.3 AL và dịp lễ 30.4 sắp tới nên nhu cầu đi lại vui chơi của người dân tăng lên kéo theo giá các tour du lịch tăng lên đáng kể.

Hàng hóa và dịch vụ khác (-0,03%): Chỉ số giá nhóm này giảm chủ yếu ở nhóm đồ trang sức, giảm 0,58% do giá vàng giảm so với tháng trước.

***Giá vàng và Đô la Mỹ:** So với tháng trước chỉ số giá vàng giảm 0,59%; giảm 1,45 % so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá vàng 99,99 hiện ở mức 3.522.000 đồng/chỉ. Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,02% so với tháng trước và tăng 2,05% so với bình quân cùng kỳ năm trước; giá đô la Mỹ hiện ở mức 23.270,39 đồng/USD.

7. Thu chi ngân sách:

a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 4/2019 đạt 730 tỷ đồng, lũy kế 4 tháng được 3.611 tỷ đồng, đạt 45,1% dự toán năm, tăng 34,6% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 2.937 tỷ đồng, đạt 40,0% dự toán, tăng 15,5% so cùng kỳ năm trước. Một số nguồn thu nội địa trong bốn tháng đầu năm nay có mức tăng khá so cùng kỳ; trong đó khoản thu đạt cao nhất là thu từ khu vực ngoài quốc doanh với 578 tỷ đồng, bằng 36,1% dự toán, tăng 17,9% so cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp nhà nước 214 tỷ tăng (+18,0%); Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài 204 tỷ tăng (+27,9%); thu tiền sử dụng đất tăng (+38,1%); thu tiền lệ phí chức bạ (+20,8%); thuế thu nhập cá nhân tăng (+20,7%); thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 913,8 tỷ bằng 60,3 dự toán năm và cũng tăng (+6,2%) so cùng kỳ ... Đặc biệt thu thuế XNK đạt 673,9 tỷ đồng đã vượt 3,7% dự toán cả năm, tăng (+384,6%) so cùng kỳ, do có các dự án năng lượng mặt trời nhập các máy móc thiết bị để lắp đặt nhà máy nên nguồn thu này tăng đột biến.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2019		% thực hiện 04 tháng	
	(tỷ đồng)		năm 2019 so với	
	Dự toán	Ước TH 04 tháng	Dự Toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng thu	8.000	3.611	45,1	134,6
I.Thu nội địa	7.350	2.937	40,0	115,5
Trong đó:				
1.Doanh nghiệp nhà nước	625	214	34,3	118,0
2.DN có vốn đầu tư nước ngoài	470	204	43,4	127,9
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.600	578	36,1	117,9
4. Hoạt động xổ số	1.515	913	60,3	106,2
II. Thu từ hoạt động XNK	650	673	103,7	484,6

b) Chi ngân sách:

Tiến độ chi ngân sách hợp lý, ước tháng 4/2019 đạt 839 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt 2.802 tỷ đồng bằng 31,8% dự toán năm, tăng 30,1% so cùng kỳ năm trước, chủ yếu là chi thường xuyên với 1.416 tỷ đồng bằng 26,0% dự toán năm, và tăng 9,0% so cùng kỳ, trong đó các khoản chi tăng cao như: chi sự nghiệp kinh tế 168 tỷ tăng 29,4%, chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 583 tỷ tăng 11,3%, chi quản lý hành chính 288 tỷ đạt 31,0 dự toán và tăng 8,2%; Riêng chi đầu tư phát triển 980 tỷ đồng bằng 39,3% dự toán cả năm và tăng 46,1% so với 04 tháng năm 2018.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2019 (tỷ đồng)		% thực hiện 04 tháng năm 2019 so với	
	Dự toán	Ước TH 04 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi	8.800	2.802	31,8	130,1
I. Chi cân đối NSDP	8.164	2.400	29,4	121,8
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	2.491	980	39,3	146,1
2. Chi thường xuyên	5.451	1.416	26,0	109,0
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	837	168	20,1	129,4
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.179	583	26,8	111,3
+ Sự nghiệp y tế	473	82	17,3	75,5
+ Quản lý hành chính	931	288	31,0	108,2
II. Chi chương trình MTQG	635	402	63,2	220,5

8. Hoạt động ngân hàng:

Những tháng đầu năm 2018 hoạt động của hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định và phát triển. Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 04/2019 ước đạt 40.837 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 0,16%. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu đạt 27.533 tỷ đồng (*Chiếm hơn 67% tổng số*) tăng 0,18% so tháng trước; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 13.304 tỷ đồng tăng 0,11% so tháng trước; Nguồn vốn huy động chủ yếu từ tiền gửi trong dân cư đạt 31.406 tỉ đồng chiếm 76,9% trong tổng số, tăng 0,19% so với tháng trước; tiền gửi của các tổ chức kinh tế ước đạt 9.187 tỷ đồng, tăng 0,06% so tháng trước.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 4 ước đạt 52.860 tỷ đồng, tăng 1,0% so tháng trước. Trong đó dư nợ ngắn hạn 34.496 tỷ chiếm 65,25% tổng số. Nợ xấu 208 tỷ đồng chiếm 0,39% so với tổng dư nợ giảm (-7,77%) so với tháng trước.

8. Tình hình văn xã:

a) Lao động, dạy nghề, giải quyết việc làm và trợ cấp xã hội:

Các hoạt động hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động, trong tháng 4/2019 tư vấn việc làm và học nghề cho 1.724 lượt lao động (lũy kế 7.551 lượt lao động); giới thiệu cung ứng lao động trong nước 250 lao động (lũy kế 489 lao động).

Cũng trong tháng này có 36 doanh nghiệp đăng ký và được UBND tỉnh chấp thuận cho tuyển dụng 372 lao động người nước ngoài. Lũy kế 4 tháng có 139 doanh nghiệp đăng ký và được UBND tỉnh chấp thuận cho tuyển dụng 2.465 lao động người nước ngoài.

Công tác dạy nghề: trong tháng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tuyển sinh học viên sơ cấp và đào tạo thường xuyên, được 578 người; Số sinh viên, học viên tốt nghiệp trong tháng 563 người (trung cấp: 95 người, sơ cấp: 468 người). Số học viên sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm trong tháng 468/563 đạt tỷ lệ 83,12%.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp, chính sách giảm nghèo với các chương trình, dự án như cho vay vốn sản xuất, hỗ trợ cây, con giống, hỗ trợ tiền điện . . . được các huyện, thành phố tích cực thực hiện. Về chăm sóc y tế: cấp 27.103 thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định.

Về đình công, lãn công: Trong tháng xảy ra 02 vụ tranh chấp lao động, dẫn đến ngừng việc tập thể tại khu Chế xuất Linh Trung III (01 vụ) và tại Khu Công nghiệp Thành Thành Công 01 vụ, với 293 lao động tham gia, hiện nay đều đã được hòa giải thành công nhân trở lại làm việc.

b) Hoạt động y tế:

Trong tháng trên địa bàn tỉnh ghi nhận 40 ca giảm 14,89% so với tháng trước (47 ca) và giảm 23,08% so với cùng kỳ (52 ca). Trong đó: Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Bến Cầu 01 ca; Châu Thành 06 ca; Dương Minh Châu: 06 ca; Gò Dầu 12 ca; Hòa Thành 01 ca; Tân Biên 02 ca; Tân Châu 03 ca; Trảng Bàng 07 ca; Thành phố 04 ca. Tổng số ca cộng dồn đến nay: 155 ca tăng 24% so với cùng kỳ năm 2018 (125 ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Số ca mắc mới bệnh sốt xuất huyết trong tháng là 159 ca giảm 28,7% so với tháng trước (223 ca) và tăng 133,82% so với tháng 04/2018 (68 ca), như vậy tổng số mắc SXH cộng dồn từ đầu năm đến nay 768 ca tăng 229,61% so với cùng kỳ năm 2018 (233 ca). Nhìn chung trong tháng một số bệnh phát sinh tăng, cũng có bệnh phát sinh giảm so với cùng kỳ, nhưng nhìn chung chưa có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Trong tháng Ngành Y tế chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đã kiểm tra: 60 cơ sở, trong đó đạt 60 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%. Số cơ sở vi phạm từ tháng trước 12 cơ sở đã xử phạt số tiền là 67.500.000 đ. Các nội dung vi phạm chủ yếu: kinh doanh thực phẩm hết hạn sử dụng, không có đầy đủ hồ sơ sản phẩm; sử dụng nguyên liệu không đảm bảo an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc xuất xứ; điều kiện vệ sinh cơ sở không đảm bảo; không có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; không thực hiện công bố cho sản phẩm. Trong tháng có cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATVSTP (18 cơ sở) và cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sản phẩm cho (15 cơ sở).

c) An toàn giao thông:

Theo báo cáo của các ngành chức năng, trong tháng 04/2019 (Từ ngày 16/03/2019-15/04/2019), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 10 vụ tai nạn giao thông làm chết 03 người và bị thương 09 người, so với tháng cùng kỳ giảm 07 vụ, số người chết giảm 05, và số người bị thương cũng giảm 05 người. Luỹ kế 04 tháng đầu năm xảy ra 39 vụ, làm chết 17 người và bị thương 39 người. So cùng kỳ năm trước (*đều giảm cả 03 tiêu chí*), số vụ giảm 60, số người chết giảm 28 và số người bị thương cũng giảm 39 người bị thương. Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe không đúng phân đường, chuyển hướng tránh vượt thiếu quan sát và sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông.

d) Hoạt động văn hoá:

Trong tháng 4/2019, Ngành đã tổ chức tốt các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân. Thông qua đó tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng. Cấp tỉnh: thực hiện 47 tấm băng rôn, 340 tấm phướn, 200 cờ các loại, 02 xe loa tuyên truyền và nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao khác phục vụ nhân dân².

Hoạt động văn nghệ: Tổ chức 5 chương trình văn nghệ³, 08 buổi phục vụ cơ sở với chủ đề: “Kỷ niệm 65 năm ngày chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954-7/5/2019) thu hút khoảng 90 lượt người/buổi. Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động các câu lạc bộ và các lớp năng khiếu.

Hệ thống Thư viện: Trưng bày tài liệu tuyên truyền, giới thiệu và phổ biến pháp luật phục vụ ngày lễ: 260 tài liệu. Phối hợp trưng bày, tuyên truyền phục vụ sách chuyên đề trong tháng với 358 tài liệu. Tổng số sách hiện có 248.775 bản/71.260 tên sách. Phục vụ bạn đọc với tổng số lượt bạn đọc 5.734 lượt. Tổng số lượt tài liệu phục vụ 30.653 lượt tài liệu. Cấp mới 195 thẻ bạn đọc. Tổ chức 05 buổi phục vụ lưu động cơ sở. Luân chuyển 16 tủ sách các cơ sở với 3.100 bản sách các loại.

Công tác quản lý, thanh, kiểm tra chấn chỉnh các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch trên phạm vi toàn tỉnh được tăng cường. Trong tháng, Đội kiểm tra liên ngành văn hóa-xã hội các cấp tổ chức kiểm tra 01 cuộc kiểm tra chuyên ngành với 01 lượt cơ sở chưa phát hiện vi phạm.

e) Thiệt hại do thiên tai:

Từ ngày 16/04/2019 đến 15/4/2019, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh không xảy ra đợt thiên tai nào.

f) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:

² Nội dung tuyên truyền: Lễ Mít tinh Diễu hành ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam, tuyên truyền ngày quốc tế Hạnh phúc 20/3, tuyên truyền lưu động kỷ niệm 65 năm ngày chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2019).

³ Chương trình văn nghệ phục vụ: khai mạc Giải Vô địch Taekwondo Học sinh toàn quốc năm 2019, hội nghị tổng kết hoạt động ngành văn hóa, thể thao và du lịch, khánh thành của Công Ty TINAFOD, hội nghị khách hàng Cty TNHH MTV xô số kiến thiết Tây Ninh năm 2019, họp mặt giữa đơn vị, địa phương, gia đình chiến sĩ mới nhập ngũ năm 2019.

Trong tháng 04/2019 (từ ngày 16/03/2019 đến 15/04/2019), xảy ra 02 vụ cháy ở huyện Gò Dầu (01 vụ cháy nhà xưởng sản xuất đèn cầy, thuộc chi nhánh công ty cổ phần XNK TM Toàn Cầu Song Toàn Cầu, ở ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, Gò Dầu và 01 vụ cháy cửa hàng kinh doanh thiết bị điện nước tại hộ nhà dân số nhà 343, 345 quốc lộ 22B ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức, Gò Dầu), không gây thiệt hại về người. Ước giá trị thiệt hại về tài sản do cháy khoảng 28 tỷ đồng. Nguyên nhân đang được điều tra làm rõ.

